

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

B, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Số: 1098/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ**

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1805/2020/TLST-VHNGĐ về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” ngày 31 tháng 07 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1987.
2. Bà Võ Thị Thanh Th, sinh năm 1989.

Cùng ngụ tại: 129/1, tổ 17A, Khu phố 1, phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chúng tôi kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Thịnh, huyện Tân Phú, tỉnh Đ vào năm 2015. Quá trình chung sống chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chúng tôi làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận cho chúng tôi được thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Có 01 người con chung là cháu Nguyễn Khánh Kiên, sinh ngày 14/08/2016. Sau khi ly hôn, hai vợ chồng đã thống nhất bà Th sẽ là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con. Ông N cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/1 tháng cho đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 09/2020.

[3]. Về tài sản chung; Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5]. Về lệ phí VHNGĐ: ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị Thanh Th phải nộp 300.000đ lệ phí VHNGĐ, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai số 0009924 ngày 27/07/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

[6]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04 tháng 08 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau;

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị Thanh Th vẫn thuận tình ly hôn với nhau.

- Về con chung: Có 01 người con chung là cháu Nguyễn Khánh Kiên, sinh ngày 14/08/2016. Sau khi ly hôn, hai vợ chồng đã thống nhất bà Th sẽ là người trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con. Ông N cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000đ/1 tháng cho đến khi cháu Kiên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 09/2020.

Vì không trực tiếp nuôi con nên ông N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, bà Th và ông N được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật tố tụng Dân sự.

- Về tài sản chung; Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí VHNGĐ: ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị Thanh Th phải nộp 300.000đ lệ phí VHNGĐ, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ đã nộp tại biên lai số 0009924 ngày 27/07/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố B;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đồng Thị Hồng